TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

SỰ DUNG HỢP GIỮA PHẬT GIÁO VÀ TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN QUA TRƯỜNG HỢP THIỀN SƯ TỪ ĐẠO HẠNH

Sự dung hợp giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian ở vùng đồng bằng sông Hồng qua trường hợp thiền Sự Từ Đạo Hạnh đã tạo nên hỗn hợp Phật - Thánh mang tính quy chuẩn từ kiến trúc không gian thờ tự cho đến nội dung tôn giáo, trở thành một tổng thể tương đối ổn định ở vùng đồng bằng sông Hồng.

Tác giả: **Đỗ Thị Thanh Hương**
Viện Tôn giáo và Tín ngưỡng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 7/2024

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Dẫn nhập: Thiền sư Từ Đạo Hạnh là một trong những vị thiền sư danh tiếng không chỉ của thiền phái Tì Ni Đa Lưu Chi mà còn là vị danh tăng của Phật giáo Việt Nam dưới thời nhà Lý. Ngoài tu hành theo Thiền tông, sư còn tu hành theo Mật giáo với pháp môn Đà a ni, đồng thời cũng chịu ảnh hưởng sâu sắc của yếu tố Đạo giáo. Sư đắc đạo thần thông, tinh thông lục trí thần với muôn nghìn phép lạ, có thể bay trên không, đi dưới nước, hàng long phục hổ, hô phong hoán vũ, cầu đảo, sử dụng phép thuật để chữa bệnh cứu người, dạy dân nghề trồng lúa, múa rối.Với tải năng xuất chúng, sau khi viên tịch Từ Đạo Hạnh được người dân vùng đồng bằng sông Hồng tôn xưng là bậc Thánh trong tín ngưỡng dân gian và được thờ phụng ở nhiều loại hình cơ sở thờ tự như: Đình, Đền, Chùa. Tương ứng với mỗi loại hình cơ sở thờ tự đó, sư được tôn xưng là Phật, Thần, Thánh. Trong đó, việc thờ sư ở chùa và tôn vinh thành Thánh là phổ biến, hình thành nên những ngôi chùa "tiền phật, hậu Thánh". Ở những ngôi chùa này yếu tố thờ Thánh luôn được trọng hơn thờ Phật.

Sự dung hợp giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian ở vùng đồng bằng sông Hồng qua trường hợp thiền Sự Từ Đạo Hạnh đã tạo nên hỗn hợp Phật - Thánh mang tính quy chuẩn từ kiến trúc không gian thờ tự cho đến nội dung tôn giáo, trở thành một tổng thể tương đối ổn định ở vùng đồng bằng sông Hồng.

Từ khóa: Từ Đạo Hạnh, tín ngưỡng dân gian, dung hợp, Phật giáo....

1.Sự dung hợp giữa Phật giáo và Tín ngưỡng dân gian

Phật giáo truyền vào Việt Nam từ đầu công nguyên với phương châm “tùy duyên phương tiện” “khế lý khế cơ”, sớm đứng chân, hình thành sơn môn Dâu và sau này là sơn môn Kiến sơ, sau đó phát triển ra vùng đồng bằng sông Hồng. Có nhiều ý kiến khác nhau về thời điểm xuất hiện của Phật giáo, nhưng tựu chung lại tất cả các nghiên cứu đều cho rằng Phật giáo du nhập vào Việt Nam từ những thế kỷ đầu công nguyên, trong điều kiện tín ngưỡng của người Việt rất đa dạng, với đối tượng thờ phụng gồm thiên thần, nhiên thần và nhân thần.

Trên nền sẵn có của tín ngưỡng thờ đa thần, người Việt vừa bị động, vừa chủ động tiếp nhận Phật giáo, giữa hai yếu tố Phật giáo (ngoại sinh) và tín ngưỡng dân gian (nội sinh) có sự giao thoa, tiếp biến, pha trộn những yếu tố văn hóa của nhau làm cho Phật giáo trở nên đại chúng, gần gũi với người dân và nâng tín điều của tín ngưỡng dân gian lên một tầm diện mới, đưa những sinh hoạt Phật giáo và tín ngưỡng trở nên đa dạng, phong phú với những sắc thái sinh động.

Sự dung hợp, tiếp biến đó được nhiều nhà nghiên cứu hình ảnh hóa như sữa hoà với nước. Có thể khái quát sự dung hợp Phật giáo và tín ngưỡng dân gian thành các hình thức điển hình sau:

Thứ nhất, hình thức dung hợp Phật giáo và Tín ngưỡng dân gian nhưng Phật giáo là yếu tố nổi trội, tiêu biểu là câu chuyện giữa vị sư Khâu Đà La với cô dân nữ Man Nương, sự tiếp biến giữa hai yếu tố nội sinh và ngoại sinh đã góp phần làm phong phú thêm nét văn hóa cho cả hai bên, các vị thần dân gian có nguồn gốc tự nhiên đã được đưa vào chùa thờ phụng dưới hệ

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

thống tượng Phật, sự tiếp biến trên cơ sở bình đẳng, tự nguyện cho ra đời một loại hình văn hoá mới có tính hỗn hợp, hình thành nên tín ngưỡng thờ Tứ Pháp(2) ở vùng đồng bằng sông Hồng.

Tiếp nữa, người Việt với tâm lý "tuỳ nhi hoà đồng" đã đón nhận một cách tự nhiên những triết lý vô thường, vô ngã, nghiệp báo, luân hồi,... của Phật giáo với tâm lý cởi mở, gần gũi, sự đón nhận đó đã đưa triết lý dân gian lên một tầm diện mới, Phật, Bồ tát đều được coi là những vị thần, gần gũi với người dân và thoả mãn nhu cầu tinh thần của họ. Sự tiếp biến, dung hợp giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian luôn diễn ra và mỗi thời kỳ lại cho ra đời những hình thức tín ngưỡng mới, như sự kết hợp giữa Phật giáo và tín ngưỡng thờ Mẫu đã hình thành nên kiểu chùa "tiền Phật, hậu Mẫu" ở vùng đồng bằng sông Hồng trong đó yếu tố Phật giáo là yếu tố nổi trội.

Thứ hai, hình thức dung hợp Phật giáo và Tín ngưỡng dân gian nhưng Tín ngưỡng dân gian là yếu tố nổi trội, còn yếu tố Phật giáo có phần mờ nhạt hơn, quá trình dung hợp này đã tạo nên những "hợp chất mới", một "hỗn hợp Phật – Thánh", hình ảnh các vị thiền sư của Phật giáo như Từ Đạo Hạnh, Dương Không Lộ, Nguyễn Minh Không, Nguyễn Giác Hải, Nguyễn Bình An đã mờ nhạt, trở thành đối tượng thiêng của tín ngưỡng dân gian, trở thành các vị phúc thần, được thờ với vai trò là vị Thần, Thánh, Thành hoàng ở nhiều cơ sở thờ tự như Đình, Đền, Chùa.

Chùa Láng (Chiêu Thiền Tự), Hà Nội - Ảnh: Minh Khang

Đối với người Việt, mọi đối tượng thiêng đều có giá trị ngang nhau, Từ Đạo Hạnh vốn là tu sĩ Phật giáo trở thành vị Thánh trong Tín ngưỡng dân gian. Việc tôn thờ này vừa mang nội dung

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

của tín ngưỡng dân gian nhưng biểu hiện dưới hình thức tôn giáo hết sức độc đáo "vi Tiên, vi Phật".

Dưới góc độ Phật giáo có thể coi sư chính là những vị Bồ tát thị hiện để gần dân, giúp dân, dưới góc độ tín ngưỡng dân gian các vị chính là Thánh, Thần, biểu tượng của sức mạnh có khả năng siêu phàm. Sự hòa nhập giữa Phật giáo và Tín ngưỡng dân gian hình thành nên hỗn hợp Phật – Thánh trở thành đặc thù trong đời sống tín ngưỡng, tôn giáo của người Việt.

Sự tiếp biến, dung hợp giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian hình thành các biến thể nêu trên, chính là sự phản ánh của đời sống thực tiễn. Nếu như giai đoạn đầu khi Phật giáo mới du nhập, Phật giáo dung hợp với tín ngưỡng dân gian để tìm "chỗ đứng" thì đến giai đoạn nhà Lý và sau nay Phật giáo tiếp tục dung hợp với các hình thức tín ngưỡng dân gian để nhằm củng cố vị thế là một tôn giáo chủ lưu, tác động sâu sắc đến đời sống tinh thần của người dân, nhưng đồng thời thể hiện sự sáng tạo văn hóa và thể hiện diện mạo độc đáo, bản sắc riêng trong đời sống tín ngưỡng, tôn giáo. Người Việt với tư duy "tạo thần" đã thể hiện thế đứng văn hóa và tinh thần độc lập tự chủ của quốc gia dân tộc.

2. Thiền sư Từ Đạo Hạnh: Biểu hiện của sự dung hợp giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian

2.1. Vài nét về hành trạng Thiền sư Từ Đạo Hạnh

Qua các tài liệu như Đại Việt sử ký toàn thư, Thiền Uyển tập Anh, Lĩnh Nam Chích Quái, An Nam Chí Lược... hình ảnh của thiền sư Từ Đạo Hạnh hiện diện sống động, sư thuộc thế hệ thứ mười hai của dòng thiền Tì Ni Đa Lưu Chi, họ Từ, tên Lộ, quê ở làng Láng (Hà Nội), có cha tên Từ Vinh, làm quan Đô Sát mẹ là Tăng Thị Loan cũng người làng Láng.

Ngay từ nhỏ, sư đã tỏ ra là người có chí lớn, giao du rộng rãi, tính tình phóng khoáng, kết bạn với đạo sĩ phù thủy là Lê Toàn Nghĩa và con hát Phan Ất. Để trả thù cho cha bị Đại Điên sát hại, Đạo Hạnh kết bạn với Không Lộ, Giác Hải tìm đường sang Tây Trúc để tìm thầy học đạo. Tuy nhiên, do đường đi hiểm trở nên cả ba người mới đi đến nước Kim Sỉ (Miến Điện) đã phải dừng lại, tại đây Đạo Hạnh học được thuật rút đất và chú đà la ni, từ đó quay về ẩn cư trên núi Phật tích, hàng ngày chuyên tâm tụng kinh Đại bi đà la ni đủ mười vạn tám nghìn lần, đạo pháp viên thành.

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Chùa Thầy (Thiên Phúc Tự), Hà Nội - Ảnh: Minh Khang

Sau khi trả thù cho cha, sư đi khắp chốn tùng lâm để tìm thầy ấn chứng, gặp thiền sư Sùng Phạm chứng ngộ được "Chân tâm" liền quay về núi Thầy tiếp tục tu hành. Năm Bính Thân (1116), Từ Đạo Hạnh hoá, trút xác ở chùa Thầy, xác của sư được nhân dân đặt vào trong khám đến khoảng năm Vĩnh Lạc (1403-1424) bị người Minh đốt cháy, người làng đắp tượng thờ như cũ đến nay vẫn còn.

Trong các bản thần tích, sắc phong và tâm thức dân gian, Từ Đạo Hạnh cũng được khẳng định là một nhân vật lịch sử có thật, có mẹ và cha là ở làng Láng. Ngay từ thuở thiếu thời Thánh Từ đã là người có tư chất anh minh và để tăng thêm tính "thiêng" cho Thánh nên trong các tư liệu này phát sinh nhiều tình tiết ly kỳ: Thiền Uyển Tập Anh ghi rằng, Đạo Hạnh gặp được một bà lão, được bà truyền dậy cho linh pháp, thuật rút đất, các pháp thần thông và chú đà la ni, từ đó sư quay về núi Phật tích tiếp tục tu hành, đạo pháp ngày càng tăng, duyên thiền càng thêm thuần thục, có thể sai khiến các loài thú dữ đến chầu phục, đốt ngón tay cầu mưa, phun nước phép chữa bệnh cứu người, cầu đảo việc gì đều linh nghiệm nên nhân dân quanh vùng rất tin kính.

Bài minh trên chuông chùa Thầy đã tả về Từ Đạo Hạnh như sau: “Thiền sư Đạo Hạnh. Lúc nhỏ thanh tú khác thường, lớn lên thiên từ kỳ vĩ. Khi tụng tập Liên kinh, tiếng ngọc vang sang sảng; lúc xuất gia hành lễ, tâm Phật thấm từ bi. Gặp khi đại hạn, đốt một ngón tay mà mưa xuống tràn trề; học cổ thư mà không ăn, ngồi đó nhiều năm mà mặt không sắc đói. Dân mắc dịch bệnh, bưng nước ra vẩy mà hết mọi ốm đau. Việc chưa manh nha, dự đoán trước mà đúng như bùa phép,...”(3).

Hiện nay, sư được thờ ở nhiều ngôi chùa không chỉ ở Hà Nội mà còn cả ở Hưng Yên và Nam Định, trong đó có hai ngôi chùa nổi tiếng gắn liền với cuộc đời của sư là Chùa Láng và Chùa Thầy (Hà Nội).

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

2.2. Sự dung hợp giữa Phật giáo và Tín ngưỡng dân gian qua trường hợp Thiền sư Từ Đạo Hạnh

Thứ nhất, dưới góc độ Phật giáo, Từ Đạo Hạnh là một vị thiền sư và là một vị Tổ sư

Như đã trình bày ở trên, trong các tài liệu đều chỉ ra hình ảnh gốc của Từ Đạo Hạnh vốn là một vị thiền sư, tu hành theo Thiền phái Tì Ni Đa Lưu Chi và là vị tổ sư đời thứ mười hai của phái thiền này, sư tinh thông Phật pháp của cả hai tông phái Thiền và Mật. Tiếp nữa hiện Từ Đạo Hạnh được thờ phụng ở nhiều ngôi chùa của Phật giáo(4), phần đa các ngôi chùa thờ sư đều là nơi sư đã từng tu học, trụ trì, hoằng pháp.

Ví như, Chùa Thầy, mặc dù Thiền sư Từ Đạo Hạnh không phải là vị sư khai phá núi Phật Tích song lại là người có công lao trong việc xây dựng, mở rộng quy mô cũng như tầm ảnh hưởng của chùa Thầy, biến nơi đây trở thành trung tâm quan trọng của Phật giáo đương thời. Hiện nay, ở Phật điện của chùa Thầy, Từ Đạo Hạnh được thờ với ba tư cách Vi Tiên - Vi Phật - Vi Quốc Vương và đồng thời sư cũng được thờ ở nhà tổ với dạng thức thờ Tổ sư. Hay như ngôi chùa Đại Bi, ở Nam Giang, Nam Trực, Nam Định, tương truyền rằng, sau khi cha của sư là Từ Vinh, bị Diên Thành Hầu mượn tay pháp sư Đại Điên hại chết, sư đã đưa mẹ là bà Tăng Thị Loan về vùng đất này để lánh nạn và dựng chùa tu hành nên sư cũng được thờ ở đây với dạng thức thờ tổ.

Vì thế, Từ Đạo Hạnh không chỉ là sư tổ đời thứ mười hai của thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi mà còn là các vị sư tổ đã có công khai sáng, lập ra các ngôi chùa hiện tại. Việc thờ phụng sư với tư cách là vị Tổ sư ở trong chùa mà sư đã xây dựng và hoằng pháp là việc đương nhiên theo đúng truyền thống của Phật giáo.

Trong lễ hội ở các ngôi chùa thờ Từ Đạo Hạnh được tổ chức ở chùa, dù nghi lễ có nhuốm mầu nghi lễ dân gian thì việc niệm danh Phật, đọc kinh Phật và chú Đại bi vẫn diễn ra, tiêu biểu như lễ Mộc dục Thánh Từ Đạo Hạnh ở chùa Thầy (Hà Nội) trong mỗi dịp lễ hội khi các cụ cao niên trong làng làm nghi lễ Mộc dục cho Thánh Từ ở trong cung cấm thì bên ngoài tín đồ phật tử và người dân niệm danh Phật, niệm kinh Phật và đọc chú Đại Bi. Đặc biệt trong các ngày kỵ (ngày giỗ) của sư, đều tổ chức giỗ theo lối giỗ Tổ sư để tưởng nhớ công đức của Ngài. Trong ngày giỗ các vị tăng, ni, Phật tử và người dân thành kính tưởng niệm và ghi nhớ công ơn của các ngài đối với Phật pháp và đối với nhân dân. Nghi lễ được diễn ra trên tinh thần tri ân và báo ân đối với bậc Tổ sư đã có công khai sáng, mở mang kiến tạo nên cảnh già lam trang nghiêm, thanh tịnh. Trong lễ giỗ tăng, ni, phật tử làm lễ cúng Phật cầu an, tụng kinh niệm Phật, đọc kệ chầu Thánh.

Thứ hai, dưới góc độ tín ngưỡng dân gian, Từ Đạo Hạnh là một vị Phúc thần, tổ nghề và Thành Hoàng.

Người Việt với tín ngưỡng thờ đa thần đã trở thành truyền thống, tâm linh đại chúng là hướng về con người thực rồi từ những con người thực được nâng lên thành bậc Thánh(5). Thực tế đã chứng minh phần lớn các ngôi đền, miếu đều được lập nên để tôn vinh và ngưỡng vọng những người có công với đất nước, với cộng đồng làng xã trên ba phương diện, có công đánh giặc

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

ngoại xâm, có công dựng làng lập ấp, có công dạy nghề và truyền nghề. Và một vị Thánh được tôn vinh phải có gương mặt đa diện để đáp ứng nhiều nhu cầu cụ thể khác nhau tại những thời điểm không giống nhau trong đời sống hàng ngày. Từ Đạo Hạnh, vốn là người thật trong lịch sử, đã được dân gian thần thánh hoá để từ con người thực trở thành nhân thần, thành vị Thánh của cư dân vùng đồng bằng sông Hồng, hình ảnh Từ Đạo Hạnh hiện ra với diện mạo là bậc tài năng xuất chúng, gây dựng sự nghiệp thành công, khi còn tại thế giúp người, giúp đời, khi đi vào cõi vĩnh hằng vẫn không quên "âm phù" cho thế giới trần tục và trở thành thần linh muôn đời của người dân.

Từ Đạo Hạnh với tài năng của riêng mình đã đáp ứng nhu cầu của đất nước và của người dân trong bối cảnh xã hội đương thời. Mặc dù hình ảnh gốc Từ Đạo Hạnh là thiền sư của Phật giáo nhưng trong truyền thuyết và thần tích thì hình ảnh của sư hiện lên là bậc kỳ nhân, kỳ tài, có thể khiến muông thú đến chầu phục, đốt ngón tay cầu mưa, phun nước phép chữa bệnh, dùng bùa phép để ngăn trở đầu thai của Giác Hoàng, làm phép đầu thai sau này lên ngôi trở thành vua Lý Thần Tông...(6).

Trong tâm thức dân gian, Từ Đạo Hạnh với chức năng là những vị Tổ nghề được thể hiện rõ nét, có thể căn cứ vào "hình dáng" được thể hiện ở tượng thờ, bởi ý tưởng dân gian nhiều khi được gửi gắm vào các di vật này. Tại chùa Thầy trong Điện Thánh (chùa Thượng) ta thấy có ba pho tượng của Thánh Từ Đạo Hạnh, thứ nhất là pho tượng Thánh ở kiếp vi Phật đầu đội mũ thất Phật, ngồi trong tư thế kiết già, một pho tượng thờ ở kiếp vua trong hình hài của vua Lý Thần Tông và pho tượng được quan tâm nhất đó là pho tượng thờ ngài ở kiếp Thánh được đặt trong khám kín ở gian bên phải. Tượng được tạc theo phong cách tượng rối có các khớp chân, khớp tay, trước đây pho tượng có thể cử động được chân tay, đứng lên ngồi xuống, nhưng đến thế kỷ XIX tuần phủ Sơn Tây Cao Xuân Dục trong lần về thăm chùa Thầy thấy vậy bèn bàn với bô lão trong xã: "Thánh thì không phải chào người phàm để ngài đứng dậy mỗi lần mở cửa là thất lễ", từ đó cho cắt hệ thống lò so nên tượng không cử động được nữa mà ngồi trên ngai đặt trong khám thờ. Với việc tạc tượng Thánh Từ theo phong cách tượng rối cho thấy vai trò khác của Thánh đối với dân gian và trong tâm thức dân gian, người dân cũng khẳng định việc thờ Ngài với tư cách là Tổ nghề múa rối. Trong mỗi dịp lễ hội chùa Thầy, một trò diễn không thể thiếu đó là trò múa rối nước được trình diễn ở toà Thuỷ Đình, người dân nơi đây tổ chức diễn trò để tỏ lòng biết ơn Thánh Từ đã truyền nghề cho dân chúng vùng này.

Không chỉ được thờ phụng ở vai trò của một vị tổ nghề, Từ Đạo Hạnh còn được thờ với tư cách là một vị Thành Hoàng – vị thần bảo hộ cho cộng đồng làng, xã. Dưới tác động của các vương triều phong kiến đặc biệt là các vương triều phong kiến mà Nho giáo chiếm vị trí chủ lưu, Từ Đạo Hạnh được thần thánh hoá qua các bản thần tích và được triều đình phong kiến sắc phong là "Thượng đẳng thần"(7). Chùa Láng còn lưu giữ một bản thần phả ghi chép về sự tích Thành Hoàng làng Yên Lãng là thiền sư Từ Đạo Hạnh.

Việc sắc phong của triều đình cho thiền sư Từ Đạo Hạnh trở thành “Thượng đẳng thần” đã làm cho hình ảnh thiền sư Phật giáo ẩn để nhường chỗ cho những yếu tố đậm chất dân gian như phép thuật, thần thông hình ảnh của vị Thánh hiện hữu sinh động, từ một vị thiền sư của Phật

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

giáo trở thành vị Thành Hoàng gần gũi với đời sống người Việt sau luỹ tre làng. Quá trình Thành Hoàng hoá cũng là để người dân tự hào và thờ phụng, tế lễ theo nhịp xuân thu nhị kỳ theo quy định và thể hiện sự tôn nghiêm trong thờ cúng. Bằng cách đi vào thiết chế linh thiêng với tư cách là những vị Thành Hoàng bảo trợ cho cộng đồng làng xã với những nghi lễ và sự kiêng kỵ lặp lại trong dân gian làm cho việc thờ phụng Từ Đạo Hạnh trở nên thiêng liêng hơn.

Thực tế việc thờ Từ Đạo Hạnh ở chùa Thầy - cụm di tích chính không phải là hình thức thờ Thành Hoàng của một làng, một xã mà là vị Thành Hoàng của cả tổng điều đó được thể hiện qua các nghi lễ và lễ hội chùa Thầy, vào dịp lễ hội các làng như Đa Phúc, Sài Sơn, Khánh Tân đều rước Thành hoàng của làng mình về "bái yết" Thánh Từ.

Như vậy, trong quá trình dân gian hoá, Từ Đạo Hạnh với hình ảnh gốc là vị sư của Phật giáo đã nhạt dần để nhường chỗ cho yếu tố dân gian thông qua sự "thần thánh hóa" để đi vào đời sống tín ngưỡng của người dân. Việc gạt bỏ dần yếu tố thiền sư của Phật giáo và trở thành vị Thánh, những vị Tổ nghề, những vị Thành Hoàng cho thấy người dân vùng đồng bằng sông Hồng muốn có một vị Thánh gần gũi hơn với đời sống của họ, có thể giúp họ giải quyết những khó khăn mang tính cấp thiết trong cuộc sống thực tại, phù hợp với môi trường, đời sống xã hội, văn hóa của họ.

3. Tạm kết

Qua nghiên cứu trường hợp Thiền sư Từ Đạo Hạnh đã cho thấy sự pha trộn Phật giáo và tín ngưỡng dân gian, trải qua thời gian tín ngưỡng dân gian đã phủ lớp, làm mờ nhạt đi yếu tố Phật giáo, nhưng tìm hiểu và nghiên cứu kỹ cho thấy yếu tố Phật giáo vẫn hiển hiện và là cốt lõi trong tâm thức của người dân về thiền sư Từ Đạo Hạnh.

Sự dung hợp giữa Phật giáo và Tín ngưỡng dân gian được thể hiện qua hành trạng của sư, qua những câu chuyện truyền thuyết, thần tích được lưu truyền trong dân gian để từ một vị thiền sư của Phật giáo đã trở thành một vị Thánh trong tín ngưỡng dân gian với sức mạnh thần bí, có thể ban phúc, giáng họa. Sự dung hợp này phản ánh tinh thần văn hóa Phật giáo và phản ánh đặc trưng văn hóa của người Việt, đáp ứng nhu cầu đời sống tín ngưỡng của nhân dân.

Sự dung hợp giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian thể hiện qua cơ sở thờ tự là sự kết hợp giữa ngôi chùa thờ Phật và ngôi đền thờ Thần. Trong một cơ sở thờ tự luôn có hai không gian riêng biệt là Điện Phật và Điện Thánh. Phật điện thì giản dị, tôn nghiêm còn điện Thánh thì linh thiêng, nơi thờ Thánh luôn uy nghi, linh thiêng theo tính chất của ngôi đền thờ, chứng tỏ vị thế nổi trội của vị Thánh được thờ phụng, đồng thời thể hiện đặc trưng của yếu tố dân gian trong ngôi chùa Phật giáo. sự kết hợp này đã hình thành nên dạng chùa “tiền Phật, hậu Thánh” độc đáo, thể hiện sự đa dạng trong đời sống tín ngưỡng, tôn giáo của người Việt.

Tác giả: **Đỗ Thị Thanh Hương**
Viện Tôn giáo và Tín ngưỡng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195
Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 7/2024

***

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam (2004), Về Tôn giáo và Tôn giáo ở Việt Nam, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

2. Thuyền Uyển Tập Anh (Anh tú Vườn Thiền), Ngô Đức Thọ - Nguyễn Thúy Nga dịch và chú thích, Nxb Văn học, Hà Nội.

3. Đặng Minh Châu (2016), Mối quan hệ giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian Việt Nam (Qua nghiên cứu một số ngôi chùa tiêu biểu của Phật giáo Bắc Tông), Luận án tiến sĩ Triết học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội.

4. Nguyễn Mạnh Cường, Đinh Viết Lực, Nguyễn Đức Dũng (2011), Từ Đạo Hạnh Trần Nhân Tôn những trái chiều lịch sử, NXB Văn hoá Thông tin và Viện Văn hoá, Hà Nội.

5. Phạm Thị Thu Hương (2017), Những ngôi chùa "tiền phật hậu Thánh" ở vùng châu thổ Bắc Bộ, Nxb Lao Động, Hà Nội.

6. Vũ Ngọc Khánh (2006), Đạo Thánh ở Việt Nam, NXB Văn hoá Thông tin, Hà Nội.

7. Ban Văn hóa Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Viện Nghiên cứu Tôn giáo (2013), Kỷ yếu hội thảo Chùa Thầy và Chư thánh Tổ sư, NXB Văn hoá thông tin, Hà Nội.

8. Đỗ Thị Thanh Hương (2019), Một vài đặc điểm về các ngôi chùa thờ Tứ vị Thánh tổ ở đồng bằng sông Hồng, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 3, tr. 40 – 53.

9. Đỗ Thị Thanh Hương (2023), Tín ngưỡng thờ Tứ vị Thánh Tổ ở vùng đồng bằng sông Hồng, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

CHÚ THÍCH:

(1) Xem thêm: Nguyễn Quốc Tuấn: Mô hình Phật – Thánh qua chùa Bối Khê – Đại Bi (Hà Tây), in trong sách Về Tôn giáo và Tôn giáo ở Việt Nam, Nxb Chính trị Quốc gia, HN, 2004, tr,362-381.

(2) Xem thêm: Đỗ Văn Phong (2017), Sự dung hợp giữa Phật giáo với tín ngưỡng thờ Tứ Pháp trong một số ngôi chùa ở Bắc Ninh. Luận văn thạc sỹ chuyên ngành Tôn giáo học, bảo vệ tại Học viện Chính trị Quốc Gia Hồ Chí Minh, Hà Nội; Võ Hoàng Lan (2012), Tục thờ Tứ Pháp của người Việt, Tạp chí Di Sản Văn hóa, số 2 (39), tr 34-38.

(3) Dẫn theo: Tạ Quốc Khánh, Chùa Thầy và Thiền sư Từ Đạo Hạnh, in trong Kỷ yếu Hội thảo Chùa Thầy và Chư Thánh tổ sư, Nxb Văn Hóa Thông tin, HN, 2013, tr. 224.

(4) Từ Đạo Hạnh có thể thờ riêng hoặc phối thờ cùng với các vị thiền sư khác như Nguyễn Minh Không, Nguyễn Giác Hải, Dương Không Lộ. Theo thống kê hiện có 21 ngôi chùa phân bố ở các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Nam Định, Thái Bình. Xem: Đỗ Thị Thanh Hương (2023), Tín ngưỡng

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

thờ Tứ vị Thánh tổ ở vùng đồng bằng sông Hồng, phần Phụ lục tr.235, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

(5) Xem: Vũ Ngọc Khánh (2006), Đạo Thánh ở Việt Nam, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, tr.39.

(6) Xem: Thiền Uyển Tập Anh, Tlđd, tr199 – 203.

(7) Xem: Phạm Thị Thu Hương (2017), Những ngôi chùa "tiền Phật, hậu Thánh" ở vùng châu thổ Bắc Bộ. Nxb Lao Động, phần Phụ Lục đã chép lại Sắc phong Thánh Từ Đạo Hạnh tại Chùa La Phù, Hoài Đức, Hà Tây (cũ), nay là Hà Nội, tr.239.